

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 10/02//2025.

Về việc: Tranh chấp Hợp đồng
góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Hải;

2. Ông Trần Văn Tám.

- *Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thành Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.*

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:*

- Ông Đặng Văn Sáu N, sinh năm 1967;

- Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: số A, tổ D, ấp G, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt bà L, bà G, vắng mặt ông Sáu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày xác định:

Ông Đặng Văn Sáu N1 và bà Lê Thị Ngọc G là vợ chồng cùng làm đầu thảo của nhiều dây hụi. Bà Trần Thị Trúc L tham gia góp hụi do ông Sáu N1 và bà G làm đầu thảo với tên là V do chồng của bà L tên V, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất : Hụi tháng 1.000.000 đồng khui vào ngày 20 tháng giêng năm 2019 nhằm ngày 24/02/2019 dương lịch, hụi tháng có 32 người tham gia, bà L góp 04 phần được 25 kỳ với tổng số tiền 100.000.000 đồng; đến kỳ thứ 26 thì vợ chồng bà G, ông N1 tuyên bố vỡ hụi.

- Dây hụi thứ hai : Hụi tháng 1.000.000 đồng khui vào ngày 30 tháng 7 năm 2020 nhằm ngày 17/9/2020 dương lịch, hụi tháng có 31 người tham gia, bà L góp 03 phần được 06 kỳ với tổng số tiền 18.000.000 đồng; đến kỳ thứ 07 thì vợ chồng bà G, ông N1 tuyên bố vỡ hụi.

Tổng số tiền bà L đóng hụi là 118.000.000 đồng.

Nhiều lần bà L yêu cầu vợ chồng ông Sáu N1, bà G trả tiền hụi và ông N1, bà Giàu C thỏa thuận với bà L, đã trả mỗi tháng một ít đến tháng 6/2024 trả được tổng số tiền 22.200.000 đồng và từ đó đến nay không trả tiếp mà cố tình hứa hẹn kéo dài.

Bà Trần Thị Trúc L yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Đặng Văn Sáu N và bà Lê Thị Ngọc G phải liên đới thanh toán cho bà L số tiền nợ hụi là 95.800.000 đồng.

* Bị đơn:

- Bà Lê Thị Ngọc G trình bày tại bản tự khai ngày 23/12/2024 và phiên hòa giải ngày 23/12/2024 xác định: Trước đây bà có làm chủ hụi, đến năm 2021 thì bể hụi, bà có thỏa thuận với bà L trả số tiền vốn 68.000.000 đồng dây hụi 32 phần khui ngày 20/01/2019 âm lịch và 12.000.000 đồng dây hụi 31 phần khui ngày 30/7/2020 âm lịch, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Đã trả được 24.200.000 đồng, mỗi tháng có trả thêm số tiền 500.000 đồng. Bà G đồng ý trả số tiền nợ hụi còn lại là 55.800.000 đồng.

- Ông Đặng Văn Sáu N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền nợ hụi nguyên đơn khởi kiện đòi ông cùng liên đới với bà Lê Thị Ngọc G phải trả.

* Tại phiên tòa:

- Bà Trần Thị Trúc L yêu cầu ông Sáu N và bà Ngọc G trả số tiền hụi nợ là 93.800.000 đồng và xác định sau khi khởi kiện bà Giàu C trả cho bà thêm 2.000.000 đồng.

- Bà Lê Thị Ngọc G đồng ý trả cho bà Trần Thị Trúc L tiền hụi bà L đã góp vốn không tính lãi với số tiền 55.800.000 đồng sau khi trừ 24.200.000 đồng bà đã trả cho bà L.

- Ông Đặng Văn Sáu N vắng mặt vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Văn Sáu N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Sáu N.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L là có căn cứ chấp nhận; Bồi lẽ:

- Tại phiên tòa bà Lê Thị Ngọc G là bị đơn thừa nhận có tổ chức 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng, bà Trần Thị Trúc L có tham gia và góp hụi đến ngày bẻ hụi thì được số tiền là 118.000.000 đồng có tính lãi; bà G xin trả vốn tương ứng số tiền 80.000.000 đồng trong tổng 02 dây hụi bà L đã góp đến ngày bẻ hụi và bà G xác định đã trả dần cho bà L được một số tiền nay chỉ còn nợ lại bà L số tiền 55.800.000 đồng;

- Bà Trần Thị Trúc L không đồng ý cho bà G trả vốn và không thừa nhận sau khi bẻ hụi hai bên có thỏa thuận đầu thảo trả tiền vốn đã góp tương ứng số tiền 80.000.000 đồng của 02 dây hụi, thừa nhận sau khi bẻ hụi thì bà Giàu C trả nhiều lần được số tiền 24.200.000 đồng; bà G không có tài liệu, chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận trả tiền hụi vốn.

Thấy rằng: Khi tổ chức các dây hụi, giữa đầu thảo và hụi viên không có thỏa thuận nếu bẻ hụi thì đầu thảo hụi chỉ phải trả lại số tiền vốn hụi viên đã góp; mặt khác: bà L là hụi viên đã thực hiện đúng các kỳ góp hụi mỗi lần khai hụi và không có lỗi dẫn đến bẻ hụi nên bà G là đầu thảo hụi phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại cho hụi viên số tiền hụi đã góp và khoản tiền lãi của mỗi kỳ theo yêu cầu của bà Trúc L là phù hợp.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông Đặng Văn Sáu N không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả đủ tiền hụi cho bà L và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Thấy rằng: ông Đặng Văn Sáu N và bà Lê Thị Ngọc G là vợ chồng nên phải có nghĩa vụ liên đới cùng trách nhiệm trả nợ hụi cho bà L từ việc bà G tổ chức các dây hụi là phù hợp theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:** điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc G và ông Đặng Văn Sáu N phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Trúc L số tiền hui là 93.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà G và ông Sáu N phải chịu 4.690.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.395.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy theo biên lai thu số 0005107 ngày 22/10/2024.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Ly và bà Giàu có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông Sáu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT